Tiết ppct: 11-18
Ngày soạn: 15/11/2026

CHUYÊN ĐỀ 12.3. PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ (THỜI LƯỢNG: 10 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển làng nghề.
- Phân tích được vai trò của làng nghề, thực trạng và định hướng phát triển làng nghề, tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên, môi trường.
- Liên hệ thực tế địa phương.

2. Năng lực:

a) Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học:
- Giao tiếp và hợp tác: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ…

b) Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học địa lí:

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được quá trình hình thành và phát triển làng nghề ở Việt Nam.

- Tìm hiểu địa lí:

+ Sử dụng các công cụ địa lí

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về phát triển làng nghề ở nước ta.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vấn đề phát triển làng nghề nước ta.

c) Năng lực số:

- [1.1.NC1b]: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm trên môi trường số để lấy được dữ liệu, thông tin, hình ảnh thực tế về hiện trạng phát triển làng nghề.
- [3.1.NC1a]: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau thông qua kĩ năng số hóa sản phẩm bài làm trên giấy bằng thao tác chụp ảnh sắc nét và chia sẻ tệp tin lên không gian lưu trữ mạng trực tuyến của lớp học.

d) Năng lực AI:

- [NLc]: Sử dụng công cụ AI (ChatGPT/Gemini) để hỗ trợ quá trình dạy học (GV tạo kịch bản cho phần khởi động; HS dùng AI để hệ thống hóa kiến thức đặc điểm làng nghề).
- [NLa]: Đánh giá được độ chính xác của thông tin do AI tạo ra, khẳng định vai trò kiểm chứng sự thật của con người đối với các dữ liệu kinh tế địa phương.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về sự phát triển của các làng nghề cũng như truyền thống cần cù, chịu khó, sáng tạo, khéo léo của người lao động nước ta.

- Nhân ái: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt trong định hướng lựa chọn nghề nghiệp, quý trọng giá trị lao động.
- Chăm chỉ: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- Trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức. Có ý thức trong việc giữ gìn và phát triển các làng nghề ở địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- GV: Máy tính cá nhân, máy chiếu kết nối mạng Internet.
- HS: Thiết bị số cá nhân (điện thoại thông minh/máy tính bảng) có kết nối mạng.

2. Học liệu:

- Sách chuyên đề Địa lí 12.
- Tranh ảnh, tranh ảnh, video, học liệu số.
- Giấy A4, giấy A0, bút màu, bút đỏ.

3. Nền tảng số và Công cụ AI:

- Nền tảng số: Nhóm Padlet/Zalo lớp.
- Công cụ AI: ChatGPT/Google Gemini.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: GV kiểm tra, nhận xét, đánh giá sản phẩm hoạt động vận dụng ở nhà của nhóm HS.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu:

- Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.
- Năng lực AI [NLc]: Việc quan sát hình ảnh sinh động do AI tạo ra giúp HS nhận diện được khả năng thiết kế đồ họa từ văn bản của trí tuệ nhân tạo.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, theo dõi và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS xác định và nêu được đáp án: Làng nghề làm gốm sứ.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV trình chiếu Bức tranh do AI thiết kế lên màn chiếu: *AI vẽ một bức tranh có lò nung bằng gạch, những người thợ đang vuốt đất sét trên bàn xoay và vô số bình hoa gốm sứ xếp dọc bờ sông.*
- Câu hỏi: *Dựa vào bức ảnh do trí tuệ nhân tạo vừa vẽ ra, em hãy đoán xem đây là mô phỏng của loại hình làng nghề truyền thống nào ở nước ta?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS quan sát màn chiếu, suy nghĩ nhanh trong 30 giây.
- HS vận dụng kiến thức, xâu chuỗi kiến thức để suy nghĩ câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 1 số HS phát biểu nhanh.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động, câu trả lời của HS.
- GV dẫn dắt vào bài mới: *Làng nghề ở nước ta có lịch sử phát triển lâu đời và phân bố rộng khắp đất nước. Phát triển làng nghề là giải pháp kinh tế quan trọng góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở nhiều địa phương. Các làng nghề nước ta có*

đặc điểm và vai trò như thế nào? hình thành và phát triển ra sao? Những tác động của làng nghề đối với kinh tế, xã hội và môi trường là gì?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm làng nghề

a) Mục tiêu:

- HS trình bày được khái niệm làng nghề.
- Năng lực AI [NLc]: HS sử dụng công cụ AI để giải thích ngắn gọn thuật ngữ làng nghề truyền thống.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động cặp đôi, hoàn thành yêu cầu: Trình bày khái niệm làng nghề.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Khái niệm

- Làng nghề: là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn.
- Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời.
- Tiêu chí xác định làng nghề:

+ Có tối thiểu 20% số hộ trên địa bàn tham gia.
+ Có tối thiểu 2 năm liên tục sản xuất kinh doanh ổn định.
+ Đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định hiện hành.

- Đối với làng nghề truyền thống, ngoài những tiêu chí trên, phải có ít nhất một nghề truyền thống với 3 tiêu chí:

+ Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và đang tiếp tục phát triển;
+ Nghề tạo ra sản phẩm mang bản sắc văn hoá dân tộc;
+ Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

EM CÓ BIẾT?

Nước ta có 7 nhóm ngành nghề nông thôn, gồm: chế biến, bảo quản nông, lâm, thuỷ sản; sản xuất hàng thủ công mĩ nghệ; xử lí, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thuỷ tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh; sản xuất muối; các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

(Nguồn: Nghị định số 52/2018/NĐ-CP)

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi (2 bạn cùng bàn).
- GV hướng dẫn chi tiết: *Một bạn đọc SGK để tóm tắt các tiêu chí. Một bạn mở ChatGPT/Gemini, nhập lệnh: "Định nghĩa ngắn gọn thế nào là làng nghề truyền thống". Sau đó đối chiếu với SGK, thảo luận với bạn để chốt đáp án.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 03 phút.
- GV quan sát và trợ giúp các cặp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi đại diện 1-2 cặp báo cáo kết quả, chia sẻ thông tin do AI cung cấp.
- Các cặp khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

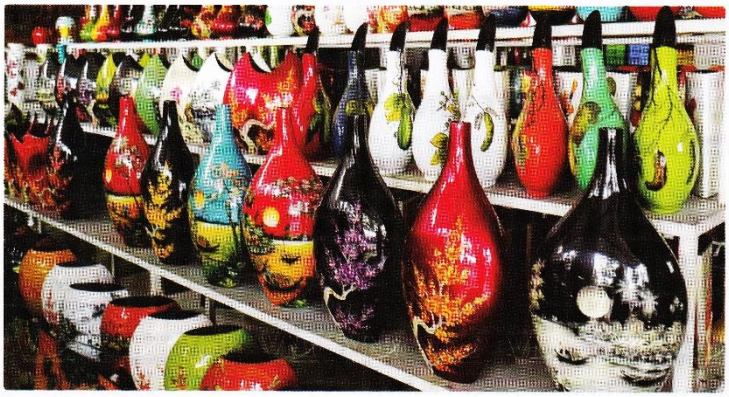
- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động của HS.
- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đặc điểm của làng nghề

a) Mục tiêu:

- HS trình bày được đặc điểm của làng nghề.
- Năng lực số [1.1.NC1b]: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm trên môi trường số để lấy được hình ảnh thực tế về không gian sản xuất tại hộ gia đình.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động cặp đôi, hoàn thành yêu cầu: Trình bày đặc điểm của làng nghề ở nước ta.



Hình 3.1. Sản phẩm của làng nghề sơn mài

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Đặc điểm làng nghề

Đặc điểm	Phân tích
a) Làng nghề Việt Nam là một bộ phận của kinh tế nông thôn và gắn bó với sản xuất nông nghiệp	- Xuất phát từ nông nghiệp và gắn với phân công lao động ở nông thôn. - Vừa mang tính chất ngành nghề vừa có tính lãnh thổ.
b) Cơ sở hạ tầng và nguồn nguyên liệu của làng nghề thường là tại chỗ, đặc biệt là các làng nghề truyền thống	- Nơi ở của các hộ gia đình cũng thường là nơi sản xuất của làng nghề, không gian sản xuất cũng là nơi trưng bày và buôn bán sản phẩm làng nghề. - Hầu hết các làng nghề truyền thống sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương. Một số nguyên liệu phải nhập từ vùng khác nhưng không nhiều.
c) Ở các làng nghề đã có sự kết hợp giữa công nghệ truyền thống và công nghệ mới trong sản xuất	- Công nghệ truyền thống của làng nghề Việt Nam là những kĩ thuật sản xuất do chính người lao động trong làng nghề tạo ra. - Các làng nghề đã tìm cách kết hợp những kĩ thuật sản xuất truyền thống với các công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao và đáp ứng được nhu cầu thị trường.
d) Hình thức tổ chức sản xuất của làng nghề ngày càng phong phú hơn	- Đa số cơ sở sản xuất kinh doanh ở làng nghề là hộ gia đình. - Tại một số làng nghề lớn đã xuất hiện các mô hình sản xuất khác như tổ hợp tác, hợp tác xã.... - Các công ty, các doanh nghiệp công nghiệp ở nông thôn cũng đã được phát triển. - Cụm công nghiệp làng nghề là một mô hình sản xuất mới tại các làng nghề của nước ta.
e) Thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề ngày càng được mở rộng	- Khi mới hình thành, sản phẩm của các làng nghề chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ ở vùng nông thôn.

	- Khi nền kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao, hội nhập nền kinh tế thế giới đã mở rộng thị trường tiêu thụ cho các làng nghề. - Thị trường tiêu thụ các sản phẩm làng nghề Việt Nam đang được mở rộng thông qua các kênh bán hàng trực tuyến, sàn thương mại điện tử. - Sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam tạo ra nhiều cơ hội cho thị trường tiêu thụ sản phẩm của làng nghề.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi (2 bạn cùng bàn).
- GV hướng dẫn chi tiết: *Một bạn đọc SGK để tóm tắt các đặc điểm. Một bạn dùng điện thoại tra hình ảnh nhà xưởng sản xuất nằm ngay trong sân nhà của hộ gia đình để lấy thông tin minh họa.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 03 phút.
- GV quan sát và trợ giúp các cặp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi đại diện 1-2 cặp báo cáo kết quả, chia sẻ thông tin vừa tra cứu.
- Các cặp khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động của HS.
- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển làng nghề

a) Mục tiêu:

- HS trình bày được quá trình hình thành và phát triển làng nghề.
- Năng lực AI [NLc]: Sử dụng AI để tóm tắt nhanh sự kiện lịch sử 36 phố phường Hà Nội gắn với các phường nghề.

b) Nội dung: HS nghiên cứu tư liệu, SGK, hoạt động nhóm, hoàn thành yêu cầu:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

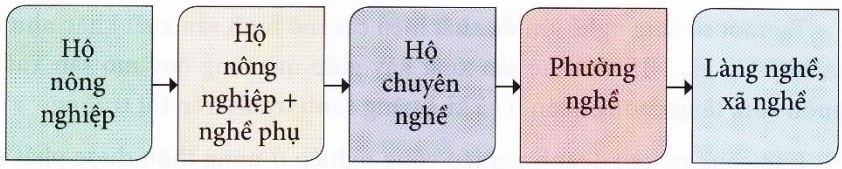
Nhóm	Nội dung	Phân tích
1	Quá trình hình thành	
2	Thời kì Phùng Nguyên (3 000 năm TCN)	
	Thời Lý - Trần (thế kỉ XI - XIV)	
3	Thời nhà Lê, nhà Mạc (thế kỉ XV - XVII)	
	Thời kì Trịnh - Nguyễn phân tranh (thế kỉ XVI - XVII)	
4	Thời Pháp thuộc (1858 - 1945)	
	Từ năm 1945 đến nay	

c) Sản phẩm: Sản phẩm thiết kế của các nhóm HS thể hiện nội dung sau:

3. Quá trình hình thành và phát triển làng nghề Việt Nam

a) Quá trình hình thành

- Các làng nghề truyền thống nước ta đều ra đời ở nông thôn và tách dần từ nông nghiệp.
- Ban đầu, việc sản xuất các sản phẩm phi nông nghiệp là nghề phụ của người nông dân. Sau đó, những ngành nghề phụ dần trở thành ngành sản xuất chính ở một số làng.
- Quá trình hình thành và phát triển làng nghề có thể được khái quát theo sơ đồ dưới đây:



Hình 3.2. Các giai đoạn hình thành và phát triển của làng nghề

b) Lịch sử phát triển

Thời kì	Sự phát triển
Thời kì Phùng Nguyên (3 000 năm TCN)	- Người Việt đã sáng chế ra kĩ thuật chế tác đá và sản xuất gốm. - Đến thời kì Đông Sơn, người Việt đã phát minh ra công thức hợp kim đồng thau, đồng thanh và phát triển 7 nhóm nghề thủ công lớn (nghề luyện kim, nghề chế tạo đồ gốm, nghề chế tạo thuỷ tinh, nghề mộc và sơn, nghề dệt vải, nghề đan lát và nghề chế tác đá).
Thời Lý - Trần (thế kỉ XI - XIV)	- Là một trong những giai đoạn phát triển mạnh mẽ. - Các ngành nghề phát triển là: nghề gốm, kiến trúc xây dựng, chạm khắc gỗ và đá, sơn, giấy dó, dệt tơ lụa, đúc đồng, kim hoàn, đóng thuyền,...
Thời nhà Lê, nhà Mạc (thế kỉ XV - XVII)	- Là giai đoạn hình thành 36 phố phường của Kinh thành Thăng Long. - Các phường nghề như: phường làm giấy dó Yên Thái, phường dệt vải lụa Nghi Tàm, phường đúc đồng Ngũ Xá, phường Hàng Bạc, phường Hàng Trống,...
Thời kì Trịnh - Nguyễn phân tranh (thế kỉ XVI - XVII)	- Nghề phụ vẫn tiếp tục phát triển ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài. - Đàng trong xuất hiện nhiều làng nghề thủ công có nguồn gốc từ miền Bắc như: đúc đồng Phước Kiều (Quảng Nam - nay là Đà Nẵng), mộc Kim Bồng (Quảng Nam - nay là Đà Nẵng), đá mĩ nghệ Non Nước (Đà Nẵng), sơn mài Tân Bình Hiệp (Bình Dương - nay là TP. HCM),...
Thời Pháp thuộc (1858 - 1945)	- Chính quyền thực dân Pháp có một số hoạt động để khuyến khích phát triển các ngành nghề thủ công. - Hình thành một số trung tâm sản xuất thủ công mĩ nghệ: Hà Nội, Nam Định (nay là Ninh Bình), Thái Bình (nay là Hưng Yên), Hải Dương (nay là Hải Phòng), Bắc Ninh, Thanh Hoá, Quảng Nam (nay là Đà Nẵng), Quy Nhơn (nay thuộc Gia Lai), Phan Thiết (nay thuộc Lâm Đồng), Sài Gòn (nay là TP. HCM), Biên Hoà (Đồng Nai),...
Từ năm 1945 đến nay	- Làng nghề Việt Nam đã trải qua những giai đoạn phát triển thăng trầm.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phát PHIẾU HỌC TẬP.
- GV hướng dẫn chi tiết: *Các nhóm đọc SGK và thảo luận nội dung được phân công. Nhóm 3 cử một bạn mở ChatGPT/AI, nhập lệnh: "Kể tên nhanh ba nghề thủ công nổi tiếng nhất ở 36 phố phường Thăng Long thời xưa" để lấy thông tin minh họa.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian 05 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- Nhóm 3 chia sẻ thông tin AI cung cấp.
- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động của HS.
- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu vai trò của làng nghề

a) Mục tiêu:

- HS phân tích được vai trò của làng nghề ở nước ta.
- Năng lực số [1.1.NC1b]: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm trên môi trường số để tra cứu thông tin về kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mĩ nghệ.

b) Nội dung: HS nghiên cứu tư liệu, SGK, hoạt động nhóm, hoàn thành yêu cầu:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm	Vai trò	Phân tích
1	Làng nghề góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn	
2	Sản xuất làng nghề tạo ra khối lượng hàng hoá đa dạng, phong phú phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu	
3	Làng nghề góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá	
4	Phát triển làng nghề góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc	

c) Sản phẩm: Sản phẩm thiết kế của các nhóm HS thể hiện nội dung sau:

II. PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ VÀ CÁC TÁC ĐỘNG

1. Vai trò của làng nghề

Vai trò	Phân tích
a) Làng nghề góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn	- Làng nghề mang lại nguồn thu nhập chính cho nhiều gia đình nông thôn, giúp người dân cải thiện chất lượng cuộc sống và phát triển kinh tế của cộng đồng. - Làng nghề giúp các địa phương thực hiện các tiêu chí của nông thôn mới.
b) Sản xuất làng nghề tạo ra khối lượng hàng hoá đa dạng, phong phú phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu	- Các sản phẩm của làng nghề không chỉ đáp ứng nhu cầu của thị trường nội địa mà còn được xuất khẩu ra nhiều quốc gia khác. - Các sản phẩm làng nghề Việt Nam đem lại một nguồn ngoại tệ đáng kể cho đất nước (khoảng 1,7 tỉ USD năm 2021).
c) Làng nghề góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá	- Các làng nghề ở vùng nông thôn góp phần phá vỡ cấu trúc thuần nông, mở ra khả năng phát triển công nghiệp nông thôn một cách hợp lí. - Làng nghề phát triển đã tạo cơ hội cho hoạt động dịch vụ ở nông thôn mở rộng quy mô và địa bàn hoạt động. - Tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu GRDP của các làng nghề tăng lên, chiếm từ 60 - 80%. - Nhiều làng nghề phát triển đã trở thành trung tâm kinh tế của địa phương, thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới.
d) Phát triển làng nghề góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc	- Các sản phẩm của làng nghề truyền thống là sự kết tinh, giao lưu và phát triển các giá trị văn hoá, văn minh lâu đời của dân tộc.

	- Những sản phẩm này luôn mang dấu ấn tâm hồn và bản sắc dân tộc, là di sản văn hoá vô giá mà ông cha để lại cho thế hệ sau. - Các làng nghề truyền thống là một dạng tài nguyên du lịch văn hoá hấp dẫn du khách.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phát PHIẾU HỌC TẬP.
- GV hướng dẫn chi tiết: *Các nhóm nghiên cứu SGK, thảo luận để hoàn thành yêu cầu. Nhóm 2 cử một bạn điện thoại tra cứu nhanh trên mạng xem loại hàng thủ công nào của Việt Nam được xuất khẩu nhiều nhất ra nước ngoài để lấy thông tin minh họa.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian 05 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- Nhóm 2 chia sẻ thông tin vừa tra cứu.
- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động của HS.
- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

Hoạt động 2.5. Tìm hiểu thực trạng phát triển các nhóm làng nghề

a) Mục tiêu:

- HS phân tích được thực trạng phát triển các nhóm làng nghề.
- Năng lực AI [NLc]: Sử dụng AI để tìm hiểu nhanh các khó khăn trong việc tiếp cận thị trường của hàng thủ công.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động nhóm, hoàn thành yêu cầu.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
Một số làng nghề chủ yếu

Nhóm 1	Tìm hiểu thực trạng chung.	
Nhóm	**Làng nghề**	**Thực trạng phát triển và phân bố**
2	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thuỷ sản	
3	Sản xuất hàng thủ công mĩ nghệ	
4	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thuỷ tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	

BẢNG 3. SỐ LƯỢNG LÀNG NGHỀ PHÂN THEO NHÓM NGÀNH NGHỀ Ở NƯỚC TA NĂM 2024

STT	**Phân theo nhóm ngành nghề**	**Số lượng (làng nghề)**	**Tỉ lệ** *(%)*
1	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản	688	34,8
2	SX hàng thủ công mĩ nghệ	83	4,2

3	Xử lí, chế biến nguyên vật liệu phục vụ SX NN, nông thôn	57	2,9
4	SX đồ gỗ, mây tre đan gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	912	46,2
5	SX và kinh doanh sinh vật cảnh	160	8,1
6	SX muối	24	1,2
7	Các dịch vụ phục vụ SX, đời sống dân cư nông thôn	51	2,6
Tổng số		1975	100

(Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn)



Hình 3.3. Cơ cấu số lượng làng nghề phân theo vùng ở nước ta năm 2024 (%)

(Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn)

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Thực trạng và định hướng phát triển làng nghề

a) Thực trạng

- Nước ta có số lượng làng nghề lớn, cơ cấu làng nghề đa dạng: 1975 làng nghề được Nhà nước công nhận (2024).
- Đa số các làng nghề nước ta có quy mô nhỏ, chủ yếu là hộ gia đình (96%), trình độ sản xuất thấp, nằm xen kẽ tại các khu dân cư (trên 70%).
- Nguyên, vật liệu cho các làng nghề chủ yếu được khai thác ở các địa phương.
- Các làng nghề vẫn sử dụng chủ yếu là lao động thủ công.
- Cách thức tổ chức sản xuất kinh doanh tại các làng nghề khá đa dạng.
- Số hộ và cơ sở ngành nghề ở nông thôn tăng lên qua các năm: tăng 9 - 10%/năm.
- Làng nghề phân bố không đều theo lãnh thổ, tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc. Tại miền Trung, Quảng Nam (nay là Đà Nẵng) là tỉnh có nhiều làng nghề. Ở miền Nam, các tỉnh/thành phố: Đồng Nai, Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa), Bình Dương (nay là TP. HCM), Bến Tre (nay là Vĩnh Long), Tiền Giang (nay là An Giang),... phát triển các làng nghề gốm sứ và hàng thủ công mĩ nghệ khác,...
- Một số nhóm làng nghề chủ yếu:

Nhóm làng nghề	Thực trạng phát triển và phân bố
Chế biến, bảo quản	- Có số lượng làng nghề khá lớn (chiếm 34,8%). - Chủ yếu sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ hoặc lân cận.

nông, lâm, thuỷ sản	- Sản phẩm khá đa dạng như: bánh đa, bánh đậu xanh, bánh tráng, rượu nếp, dầu mè, đậu phộng, bánh pía, miến dong, nước mắm, tương, cá hấp,... - Chiếm 47,2% tổng doanh thu và 28,2% lao động từ các hoạt động làng nghề Việt Nam (năm 2024). - Cơ bản vẫn mang tính nhỏ lẻ, công nghệ chưa được cải tiến, thiết bị thủ công, mặt bằng sản xuất nhỏ hẹp, sử dụng lao động hộ gia đình, xưởng sản xuất lẫn vào khu dân cư. - Là nhóm làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.
Sản xuất hàng thủ công mĩ nghệ	- Chủ yếu dựa vào sự khéo léo và sáng tạo của người thợ, người nghệ nhân. - Phần lớn những làng nghề này có truyền thống lâu đời. - Chiếm 4,2% tổng số làng nghề, giải quyết việc làm cho khoảng 195 nghìn lao động và đóng góp 22,1% tổng doanh thu của các làng nghề (2024). - Quy trình sản xuất gần như không thay đổi, lao động thủ công nhưng đòi hỏi tay nghề cao, chuyên môn hoá, tỉ mỉ và sáng tạo. - Sản phẩm thủ công mĩ nghệ vừa có giá trị sử dụng vừa mang đậm nét văn hoá và đặc điểm địa phương, dân tộc. - Hàm lượng văn hoá trong các sản phẩm thủ công mĩ nghệ được đánh giá cao. - Những thách thức lớn nhất đối với làng nghề thủ công mĩ nghệ là khả năng tiếp cận thị trường, xây dựng thương hiệu, thiết kế sản phẩm.
Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thuỷ tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	- Là nhóm làng nghề chiếm tỉ trọng lớn về số lượng với 912 làng nghề (46,2% tổng số làng nghề - 2024). - Có nhiều làng nghề có truyền thống lâu đời nhưng cũng có nhiều làng nghề mới. - Quá trình sản xuất và phát triển của các làng nghề này đều mang tính kế thừa qua các thế hệ. - Người chỉ đạo sản xuất thường do thợ chính, có kinh nghiệm và tay nghề cao đảm nhận. - Các làng nghề này đã sử dụng máy móc, công nghệ hiện đại ở một số công đoạn sản xuất. - Đã phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh mới như hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân,... - Sự phát triển của các làng nghề này đã đóng góp không nhỏ cho quá trình phát triển kinh tế, văn hoá, tạo sản phẩm cho xã hội và việc làm cho người dân: chiếm 26,9% tổng số lao động và đóng góp 18,5% tổng doanh thu của các làng nghề (2024).

EM CÓ BIẾT?

Năm 2024, thành phố Hà Nội có số lượng làng nghề đang hoạt động được công nhận nhiều nhất với 334 làng, tiếp đến là các tỉnh: Thái Nguyên (287 làng), Thái Bình - nay là Hưng Yên (141 làng), Nam Định - nay là Ninh Bình (124 làng), Ninh Bình (77 làng),...

(Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn)

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phát PHIẾU HỌC TẬP.

- GV hướng dẫn chi tiết: *Các nhóm nghiên cứu SGK, thảo luận để hoàn thành yêu cầu. Nhóm 3 cử một bạn mở ChatGPT/Gemini, nhập lệnh: "Gợi ý giải pháp giúp các làng nghề thủ công quảng bá sản phẩm tốt hơn trên mạng xã hội" để lấy thông tin minh họa.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian 05 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- Nhóm 3 chia sẻ thông tin do AI cung cấp.
- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động của HS.
- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

Hoạt động 2.6. Tìm hiểu định hướng phát triển làng nghề

a) Mục tiêu:

- HS trình bày được định hướng phát triển làng nghề ở nước ta.
- Năng lực số [1.1.NC1b]: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm trên môi trường số để lấy được thông tin về chương trình OCOP.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động cặp đôi, hoàn thành yêu cầu: Trình bày định hướng phát triển làng nghề ở nước ta.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

b) Định hướng phát triển

- Xây dựng kế hoạch khôi phục, bảo tồn đối với nghề truyền thống, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền; hỗ trợ các nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận và đang hoạt động hiệu quả để phát triển và nhân rộng.
- Phục hồi, tôn tạo các di tích liên quan đến giá trị văn hoá nghề, làng nghề truyền thống; khôi phục, tổ chức các lễ hội, hoạt động văn hoá dân gian, phát huy các giá trị văn hoá của nghề và làng nghề trong xây dựng môi trường du lịch văn hoá; tổ chức liên kết chuỗi giá trị, phát triển làng nghề gắn với du lịch.
- Việc phát triển làng nghề cần gắn với thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững; phát triển mô hình sản xuất tuần hoàn khép kín, tiết kiệm nguyên liệu, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ số trong quản lí, quảng bá và xúc tiến thương mại sản phẩm của làng nghề.
- Đối với các làng đã có nghề, thực hiện chương trình khôi phục, bảo tồn, lưu giữ nét văn hoá truyền thống trong sản phẩm, bí quyết nghề, đồng thời thiết kế những sản phẩm mới phù hợp với thị trường, nâng cao năng lực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ cảnh quan, môi trường làng nghề.
- Đối với các làng chưa có nghề thì thúc đẩy phát triển ngành nghề sản xuất, kinh doanh các sản phẩm theo nhu cầu của thị trường, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương thông qua các hình thức du nhập, học tập, phổ biến, nhân rộng từ các mô hình, làng nghề, làng nghề truyền thống đang hoạt động có hiệu quả,...
- Huy động tối đa các nguồn lực xã hội và sự hỗ trợ của Nhà nước để bảo tồn và phát triển làng nghề; phát triển hài hoà các cơ sở ngành nghề, đa dạng hoá hình thức sản xuất, kết hợp công nghệ hiện đại và truyền thống nhằm phát huy hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

EM CÓ BIẾT?

Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 đặt ra mục tiêu đến năm 2030 là khôi phục, bảo tồn được ít nhất 129 nghề truyền thống và 208 làng

nghề truyền thống có nguy cơ bị mai một, thất truyền; tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt khoảng 10%/năm; nâng kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mĩ nghệ của các làng nghề đạt khoảng 6 tỉ USD; 100% cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi (2 bạn cùng bàn).
- GV hướng dẫn chi tiết: *Một bạn nghiên cứu SGK để tìm các định hướng. Trong lúc đó, một bạn dùng điện thoại tra cứu xem chương trình OCOP mỗi xã một sản phẩm là gì để lấy thông tin minh họa.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 03 phút.
- GV quan sát và trợ giúp các cặp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi đại diện 1-2 cặp báo cáo kết quả, chia sẻ thông tin vừa tra cứu.
- Các cặp khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động của HS.
- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

Hoạt động 2.7. Tìm hiểu tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên môi trường

a) Mục tiêu:

- HS phân tích được tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên môi trường nước ta.
- Năng lực AI [NLc]: Sử dụng AI để hệ thống hóa nhanh các nguyên nhân gây ô nhiễm tại khu vực làng nghề.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động nhóm, hoàn thành yêu cầu.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên môi trường

Nhóm	Tác động	Tích cực	Tiêu cực
1, 3	Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội		
2, 4	Tác động đến tài nguyên, môi trường		

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

3. Tác động của làng nghề đến kinh tế - xã hội và tài nguyên, môi trường

Nội dung	Tích cực	Tiêu cực
a) Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội	- Góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hoá ở nông thôn. - Cung cấp nguồn hàng xuất khẩu và tạo nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho đất nước. - Tạo ra nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.	- Trong một số trường hợp, các làng nghề sản xuất cùng một loại sản phẩm, dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh. Điều này có thể dẫn đến việc giảm giá sản phẩm và thu nhập của người thợ. - Làng nghề có thể tạo ra sự chênh lệch trong thu nhập giữa

	- Sự phát triển làng nghề thúc đẩy hiện đại hoá, đô thị hoá khu vực nông thôn. - Góp phần đảm bảo an ninh chính trị. - Có nhiều đóng góp cho việc xây dựng nông thôn mới. - Góp phần quan trọng trong bảo tồn văn hoá dân tộc.	người thợ làm thuê và người chủ hoặc thương nhân. - Làng nghề có thể tạo ra áp lực xã hội đối với những người làm việc trong làng do phải tuân theo các quy tắc và truyền thống cụ thể.
b) Tác động đến tài nguyên, môi trường	- Giúp tận dụng tài nguyên tại chỗ và giảm thiểu chi phí vận chuyển và nhập khẩu. - Giúp cho các nguồn tài nguyên tự nhiên tại địa phương không bị khai thác quá mức hoặc bị lãng phí. - Một số làng nghề thúc đẩy các hình thức sản xuất bền vững và thân thiện với môi trường, sử dụng năng lượng tái tạo, tài nguyên tái sử dụng hoặc tái chế. Điều này giúp bảo tồn tài nguyên và giảm áp lực lên môi trường tự nhiên.	- Khai thác, sử dụng các tài nguyên tự nhiên để sản xuất các sản phẩm thủ công quá mức có thể gây cạn kiệt tài nguyên. - Ô nhiễm môi trường là một trong những vấn đề lớn nhất cần giải quyết của các làng nghề. - Nếu việc phát triển và quản lý các làng nghề không khoa học có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sức khoẻ của cộng đồng, gây ra những tổn thất kinh tế, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh, trật tự ngay tại các làng nghề.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phát PHIẾU HỌC TẬP.
- GV hướng dẫn chi tiết: *"Các nhóm nghiên cứu SGK, thảo luận để hoàn thành yêu cầu. Nhóm 2, 4 cử một bạn mở ChatGPT/Gemini, nhập lệnh: "Giải thích vì sao các làng nghề tái chế phế liệu lại thường gây ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng" để lấy thông tin minh họa.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian 05 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả.
- Nhóm 2, 4 chia sẻ thông tin do AI cung cấp.
- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động của HS.
- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

Hoạt động 2.8. Thực hành tìm hiểu về làng nghề ở địa phương

a) Mục tiêu:

- HS thu thập được tranh ảnh, số liệu, video,... để tìm hiểu thông tin và giới thiệu khái quát về một làng nghề tiêu biểu ở địa phương.
- Năng lực số [3.1.NC1a]: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau thông qua kĩ năng số hóa sản phẩm bài làm trên giấy bằng thao tác chụp ảnh sắc nét và chia sẻ tệp tin lên không gian lưu trữ mạng trực tuyến của lớp học.

b) Nội dung: HS nghiên cứu tư liệu, SGK, làm việc 4 nhóm để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu ở nhà từ tiết trước.

III. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU LÀNG NGHỀ Ở ĐỊA PHƯƠNG

1. Nội dung

Dựa vào thông tin trong chuyên đề và các nguồn tài liệu thu thập được, hãy tìm hiểu và liên hệ thực tế về một làng nghề ở địa phương.

2. Nguồn tư liệu

- Quyết định số 801/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.
- Cổng thông tin điện tử của địa phương.
- Tạp chí điện tử Làng nghề Việt Nam: https://langngheviet.com.vn
- Sách, báo, tạp chí, thực tế,... về làng nghề ở địa phương.

3. Gợi ý thực hiện

- Thu thập thông tin.
- Tìm hiểu về làng nghề truyền thống ở địa phương và viết báo cáo.
- Gợi ý cấu trúc báo cáo:

LÀNG NGHỀ …

- Mở đầu: Giới thiệu khái quát về làng nghề (tên và địa chỉ làng nghề, sản phẩm của làng nghề,...).
- Nội dung chính:

+ Khái quát lịch sử hình thành.
+ Đặc điểm của làng nghề (nguyên liệu, lao động, công nghệ, thị trường).
+ Vai trò của làng nghề.
+ Định hướng phát triển làng nghề.
+ Vấn đề môi trường tại làng nghề.

c) Sản phẩm: Sản phẩm đã được thiết kế của 4 nhóm HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phát PHIẾU HỌC TẬP.
- GV hướng dẫn chi tiết: *Các nhóm nghiên cứu SGK, thảo luận để hoàn thành yêu cầu. Ngay khi hoàn thành đề cương báo cáo làng nghề địa phương, nhóm trưởng chụp ảnh bài làm và gửi vào nhóm Padlet/Zalo lớp.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thảo luận và hoàn thành sản phẩm ra giấy.
- Nhóm trưởng chụp và tải tệp tin hình ảnh bài làm lên hệ thống Padlet/Zalo lớp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV mở trực tiếp nhóm Padlet/Zalo để cả lớp cùng xem ảnh bài nộp của 4 nhóm.
- GV gọi đại diện 1-2 nhóm trình bày ý tưởng.
- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động của HS.
- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong bài học.
- Năng lực số [3.1.NC1a]: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau thông qua kĩ năng số hóa sản phẩm bài làm trên giấy bằng thao tác chụp ảnh sắc nét và chia sẻ tệp tin lên không gian lưu trữ mạng trực tuyến của lớp học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu:

Nhóm	Yêu cầu

1, 3	**1.** Việc bảo tồn và phát triển làng nghề có ý nghĩa như thế nào đối với nước ta?
2, 4	**2.** Lập sơ đồ thể hiện tác động của làng nghề đến kinh tế - xã hội và tài nguyên, môi trường ở nước ta.

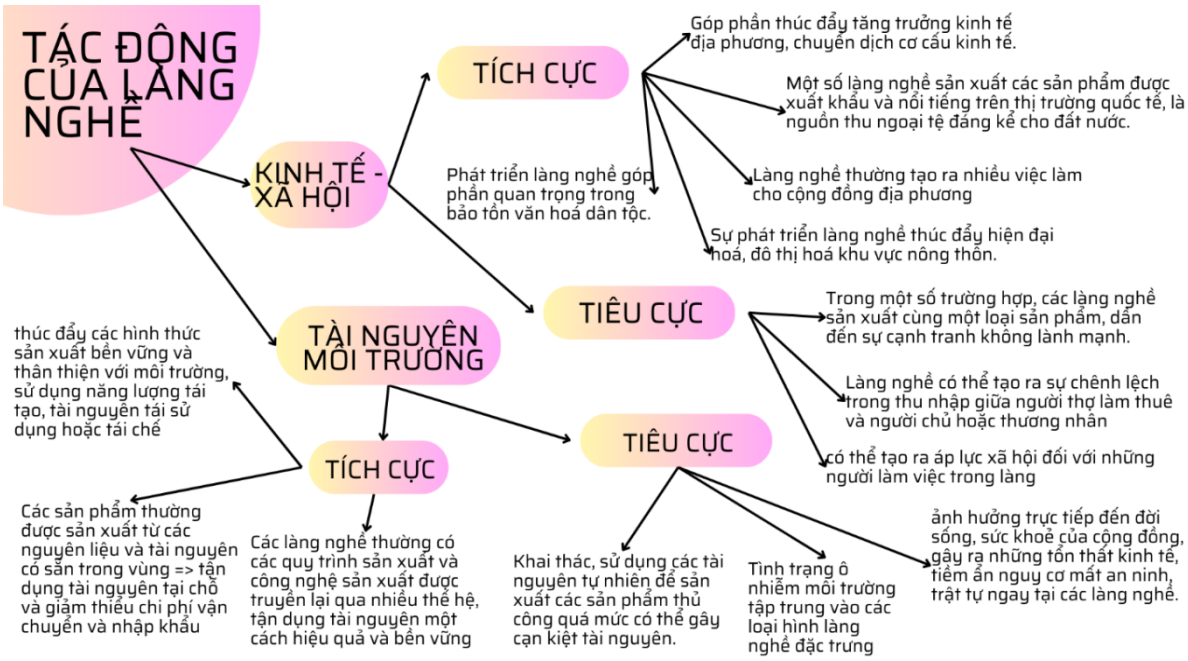
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

*** Tham khảo:**

1.

- Bảo tồn và phát triển làng nghề đóng một vai trò quan trọng trong sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, bền vững; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đóng góp cho phát triển kinh tế.
- Góp phần thực hiện thành công việc xây dựng nông thôn mới.
- Góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.
- Góp phần sử dụng hợp lí và hiệu quả các nguồn lực về tự nhiên, kinh tế - xã hội của đất nước.
-……..

2.



d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 4 nhóm.
- GV hướng dẫn chi tiết: *Các nhóm nghiên cứu SGK, thảo luận để hoàn thành yêu cầu. Ngay khi hoàn thành câu trả lời và sơ đồ, nhóm trưởng chụp ảnh bài làm và gửi lên nhóm Padlet/Zalo lớp.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS ngồi theo nhóm, nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để hoàn thành yêu cầu GV giao trong 05 phút.
- Khi gần hết giờ, đại diện các nhóm chụp và gửi file sản phẩm lên nhóm Padlet/Zalo.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV mở Zalo/Padlet chiếu bài nộp của các nhóm.
- GV gọi đại diện 1-2 nhóm thuyết trình về sản phẩm.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét sản phẩm.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV đánh giá chất lượng kiến thức thể hiện trên sản phẩm của HS.
- GV hướng dẫn HS chốt lại kiến thức chuẩn có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn về bảo tồn làng nghề tại địa phương.
- Năng lực AI [NLa]: Đánh giá được độ chính xác của thông tin do AI tạo ra, khẳng định vai trò kiểm chứng sự thật của con người đối với các dữ liệu kinh tế địa phương.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để hoàn thành yêu cầu: Viết một bài tuyên truyền ngắn gọn về việc bảo vệ môi trường tại một làng nghề truyền thống ở địa phương em.

c) Sản phẩm: Bài viết tuyên truyền của HS.

*** Tham khảo:**

Vị trí

Làng gốm Thanh Hà nằm nép mình bên bờ sông Thu Bồn, thuộc tổ dân phố Nam Diêu, phường Hội An Tây, thành phố Đà Nẵng mới, cách khu phố cổ Hội An khoảng 2-3km về phía Tây. Vị trí này từ trước đến nay luôn thuận lợi cả đường bộ và đường thủy cho việc vận chuyển nguyên liệu đất sét và trao đổi sản phẩm[citation:1][citation:3].

Phường Hội An Tây, thành phố Đà Nẵng (Địa chỉ cũ: Khối phố Nam Diêu, phường Thanh Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam)

Làng nghề có lịch sử hơn 500 năm, hình thành từ thế kỷ XVI do các nghệ nhân từ Thanh - Nghệ - Tĩnh di cư vào lập làng, là một vành đai làng nghề truyền thống bao quanh phố cổ Hội An[citation:4][citation:5].

Tiềm năng

- Giá trị di sản: Nghề gốm Thanh Hà được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia từ năm 2019, sở hữu kỹ thuật chuốt gốm thủ công độc đáo không làng nghề nào có giống hệt.
- Tiềm năng du lịch trải nghiệm: Làng nghề nằm trong cụm di sản Hội An, thu hút hàng trăm ngàn lượt khách mỗi năm, đặc biệt khách quốc tế yêu thích các hoạt động tự tay làm gốm, giữ kỷ niệm[citation:2][citation:6].
- Thị trường sản phẩm mới: Gốm Thanh Hà có thể phát triển các dòng sản phẩm trang trí nội thất, quà tặng độc đáo, kết hợp giữa nét truyền thống và thiết kế hiện đại.
- Hệ sinh thái làng nghề còn nguyên vẹn, bao gồm cảnh quan sông nước, nhà truyền thống, miếu tổ nghề và các nghi lễ văn hóa đặc trưng.

Vai trò

- Là một phần cốt lõi của hệ thống di sản văn hóa Hội An, giữ lại kỹ thuật và tri thức làm gốm truyền thống hơn 500 năm tuổi.
- Tạo sinh kế trực tiếp cho hơn 70-130 lao động trong làng, mang lại thu nhập ổn định từ sản xuất và dịch vụ du lịch[citation:9].
- Kết nối du khách với văn hóa làng nghề Việt, biến quá trình sản xuất gốm thành sản phẩm trải nghiệm độc đáo chỉ có ở Hội An.
- Cung cấp vật liệu xây dựng gạch ngói truyền thống để bảo tồn các di tích cổ của phố cổ Hội An.

Thực trạng hiện tại ⚠

Chỉ tiêu	Thực trạng hiện tại
Số cơ sở hoạt động	~30-37 hộ sản xuất, 68-134 lao động
Loại sản phẩm chủ lực	Sản phẩm lưu niệm, quà tặng, trải nghiệm du lịch
Thu nhập bình quân	7-10 triệu đồng/người/tháng
Thách thức chính	Cạnh tranh với gốm công nghiệp giá rẻ, thiếu lao động trẻ theo nghề

Các khó khăn chính hiện nay gồm: sản phẩm gốm công nghiệp giá rẻ cạnh tranh rất mạnh, lao động trẻ ít muốn theo nghề vì công việc vất vả, thiếu vốn đầu tư để đổi mới mẫu mã và xây dựng thương hiệu[citation:10].

Bên cạnh đó, làng nghề đang trên đà phục hồi mạnh mẽ sau dịch Covid, lượng khách tham quan ngày càng tăng, nhiều nghệ nhân trẻ thế hệ thứ 3, thứ 4 đã quay lại kế nghiệp nghề của cha ông.

Giải pháp phát triển bền vững 💡

1. **Đầu tư hạ tầng**: Hoàn thiện đường vào làng, xây dựng khu đón tiếp, trưng bày sản phẩm, tạo các điểm check-in độc đáo bằng vật liệu gốm, dự kiến hoàn thành sau khi di dời trường học trong làng năm 2025.
2. **Đổi mới sản phẩm**: Tổ chức các lớp đào tạo thiết kế, mời họa sĩ hợp tác phát triển mẫu mã mới phù hợp với thị trường hiện đại, phát triển dòng gốm tráng men chất lượng cao.
3. **Quảng bá rộng rãi**: Thường xuyên đưa sản phẩm tham gia các triển lãm, sự kiện trong nước và quốc tế, kết nối với các công ty du lịch để đưa làng nghề vào tuyến tham quan chính của Hội An.
4. **Chính sách hỗ trợ**: Duy trì các chính sách hỗ trợ vốn, đào tạo nghề cho lao động trẻ, giữ vững quy chế bảo tồn cảnh quan và không gian làng nghề truyền thống.

Giữ nghề không phải là giữ nguyên mọi thứ, mà là giữ lại giá trị cốt lõi, đồng thời linh hoạt thích ứng với đời sống hiện đại.

Nếu bạn muốn tìm hiểu chi tiết hơn về các trải nghiệm du lịch tại làng gốm hoặc các dòng sản phẩm đặc trưng của Thanh Hà, tôi có thể chia sẻ thêm thông tin chi tiết nhé.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV trình chiếu yêu cầu, giao nhiệm vụ cụ thể cho 4 nhóm thực hiện ở nhà.
- GV hướng dẫn chi tiết: *Về nhà, các nhóm hãy dùng công cụ ChatGPT/Gemini, nhập lệnh: "Viết báo cáo giới thiệu về làng nghề [……..]". Với vai trò là 'Người kiểm duyệt' (Fact-check), đối chiếu với thực tế địa phương, sửa lại thông tin sai lệch mà AI cung cấp. Biên tập thành một báo cáo ngắn, chèn hình minh họa và nộp sản phẩm lên nhóm Padlet/Zalo lớp trước tiết học sau.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Tại nhà, các nhóm dùng AI tạo khung văn bản thô theo gợi ý.
- HS tiến hành họp nhóm trực tuyến, thực hiện Fact-check, dùng kiến thức thực tế để sửa lỗi sai của AI (nếu có). Hoàn thiện và nộp bài làm lên Padlet/Zalo.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Vào đầu tiết học tiếp theo, GV mở Padlet/Zalo chiếu bài nộp của một nhóm đại diện.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét sản phẩm.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV đánh giá quá trình tự học và tư duy phản biện ở nhà của HS.
- GV hướng dẫn HS chốt kiến thức có liên quan.

4. Củng cố, dặn dò: GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành yêu cầu phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập và hệ thống lại kiến thức.